TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM KÊ TRỮ LƯỢNG GỖ, CỦI VƯỜN CÂY CAO SU THANH LÝ NĂM 2024 TẠI NÔNG TRƯỜNG THUẬN TÂN VÀ NÔNG TRƯỜNG GIA HUYNH

S.Đ.K.H.Đ: 02 - C.T.H.D
CÔNG TY
ĐẤU GIÁ HỢP DANH
BẮC TRUNG NAM
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

TT	Đội	Lô	Năm trồng	Diện tích (ha)
I/ Nông trường Thuận Tân				**354,14**
1	Đội 1	7	1998	15,08
2	Đội 1	8	1998	21,63
3	Đội 1	8b	2008	2,85
4	Đội 1	8b	2008	0,60
5	Đội 1	9a	1998	7,71
6	Đội 1	13	1998	6,82
7	Đội 1	14	1998	8,75
8	Đội 1	15	1998	28,18
9	Đội 1	16a	1998	19,21
10	Đội 1	16b	2007	2,24
11	Đội 1	16c	2008	0,39
12	Đội 1	16c	2008	2,09
13	Đội 1	17	1998	28,27
14	Đội 1	17b	2008	1,14
Gói 1				**144,96**
15	Đội 2	23	1998	21,39
16	Đội 2	23b	2008	0,79
17	Đội 2	23b	2008	0,39
18	Đội 2	27a	1997	4,84
19	Đội 2	27b	1998	15,79
20	Đội 2	27c	2008	0,97
21	Đội 2	31a	1997	3,08
22	Đội 2	31b	1998	16,61
23	Đội 2	35	1998	21,44
24	Đội 2	38	1998	10,31
25	Đội 3	67a	2004	7,27
26	Đội 3	67b	2004	23,56
27	Đội 3	68	2004	23,28
28	Đội 3	69a	2004	4,79
29	Đội 3	69b	2005	3,46
30	Đội 3	70a	2005	18,00
31	Đội 3	70b	2005	1,86

32	Đội 3	70c	2005	2,70
33	Đội 3	71a	2004	8,61
34	Đội 3	71b	2005	3,24
35	Đội 3	72a	2004	9,09
36	Đội 3	72b	2005	1,43
37	Đội 3	73	2005	6,28
Gói 2				**209,18**
II/ Nông trường Gia Huynh				**109,47**
38	Đội 1	2	2001	24,31
39	Đội 1	18	2000	26,77
40	Đội 1	18	2001	4,55
41	Đội 1	20	2000	16,32
42	Đội 3	45	1999	1,93
43	Đội 3	45	2001	0,98
44	Đội 3	45	2006	4,36
45	Đội 3	45	2000	9,72
46	Đội 3	45	2007	0,75
47	Đội 3	46	2001	1,63
48	Đội 3	46	2006	4,67
49	Đội 3	46	1999	10,08
50	Đội 3	46	2000	2,81
51	Đội 3	46	2007	0,59
Gói 3				**109,47**
Cộng				**463,61**